

Hải Phòng, ngày 08 tháng 12 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Phụ Sản Hải Dương có nhu cầu tiếp nhận báo giá và thông số kỹ thuật để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua thiết bị, vật tư tiêu hao cho phòng sinh học phân tử của bệnh viện, với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Phụ sản Hải Dương
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
 - Họ và tên: Đào Hải Long.
 - Chức vụ: Kỹ sư.
 - Số điện thoại: 0942 433 355.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại địa chỉ: Bệnh viện Phụ sản Hải Dương, địa chỉ: 225 Nguyễn Lương Bằng, phường Lê Thanh Nghị, Tp. Hải Phòng
 - Bản cứng bằng tiếng Việt do người đại diện hợp pháp ký tên, đóng dấu đỏ.
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Trong vòng 10 ngày từ khi đang tải Yêu cầu báo giá. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục thiết bị: Chi tiết theo phụ lục 1 đính kèm.
- Yêu cầu về Hồ sơ báo giá: Hồ sơ báo giá theo đúng biểu mẫu tại phụ lục 2 đính kèm thư mời báo giá.
- Bên báo giá đồng ý cho bên yêu cầu báo giá được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia báo giá. *ml*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: TCHC.



Phạm Văn Điền

PHỤ LỤC 1 DANH MỤC THIẾT BỊ

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật tham khảo	DVT	Số lượng
1	Tủ lạnh âm sâu (-25 độ C)	Yêu cầu chung - Thiết bị sản xuất năm 2025 trở về sau. - Chất lượng mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình - Thân tủ chính: 01 cái - Dây nguồn: 01 cái - HDSD: 01 bộ Chỉ tiêu kỹ thuật - Phương pháp làm lạnh: Làm mát trực tiếp - Rã đông: Thủ công - Có kệ và ngăn kéo - Phạm vi nhiệt độ: $\leq -10^{\circ}\text{C}$ đến $\geq -25^{\circ}\text{C}$ - Nhiệt độ môi trường: $10 - \geq 32^{\circ}\text{C}$ - Độ ồn: $\leq 50\text{dB}$ - Chất làm lạnh: R600a - Bộ điều khiển nhiệt độ: Bộ vi xử lý - Loại cảm biến: NTC hoặc tương đương - Màn hình kỹ thuật số hoặc tương đương - Vật liệu bên ngoài: thép phun SPCC hoặc tương đương - Số lượng máy nén: 01 máy - Cảnh báo: Nhiệt độ cao/thấp, mất điện, lỗi cảm biến, lỗi bộ điều chỉnh nhiệt độ, cửa mở	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT	Số lượng
		- Dự phòng mất điện: ≥ 8 giờ - Công suất: ≥ 72 W - Điện năng tiêu thụ: ≤ 0.95 KWh/24h - Kích thước đóng gói (D*R*C): 590*590*900 mm hoặc tương đương - Dung tích (L/cu.ft): 100/3.53 hoặc tương đương. - Kích thước ngoài (D*R*C): 540*553*877 mm hoặc tương đương. - Kích thước trong (D*R*C): 410*410*670 mm hoặc tương đương. Yêu cầu khác - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng; - Có cam kết thực hiện bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành: Bảo trì theo quy định của nhà sản xuất; - Có cam kết chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi sử dụng - Có cam kết bảo trì sau bảo hành và cung cấp các phụ tùng thay thế trong thời gian ít nhất là 5 năm kể từ ngày bàn giao. - Có bản chào giá bảo trì và các phụ tùng thay thế theo giá Việt Nam đồng Yêu cầu chung - Thiết bị sản xuất năm 2025 trở về sau. - Chất lượng mới 100%.		
2	Tủ bảo quản chuyên dụng (từ 2-8 độ C)		Cái	1

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT	Số lượng
		- Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình - Thân tủ chính: 01 cái - Kệ: 03 cái - Dây nguồn: 01 cái - HDSD: 01 bộ Chỉ tiêu kỹ thuật - Số kệ: 03 cái - Phương pháp làm lạnh: Không khí cưỡng bức - Rã đông: Tự động - Môi chất làm lạnh: R600a - Điện năng tiêu thụ: 0.53kWh/24h - Công suất: 80W - Độ ồn: 50dB - Nhiệt độ môi trường: 10-32°C - Dải nhiệt độ hoạt động: 2-8°C - Loại cảm biến: NTC - Bộ điều khiển nhiệt độ: Vi xử lý - Bảng hiển thị: Kỹ thuật số - Điện áp: 220V/110V - Tần số: 50/60 Hz - Thể tích: 100L - Kích thước ngoài (D*R*C): 505*510*875mm - Kích thước trong (D*R*C): 385*356*737mm		

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT	Số lượng
		- Kích thước đóng gói (D*R*C): 580*580*940mm Yêu cầu khác - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng; - Có cam kết thực hiện bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành: Bảo trì theo quy định của nhà sản xuất; - Có cam kết chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi sử dụng - Có cam kết bảo trì sau bảo hành và cung cấp các phụ tùng thay thế trong thời gian ít nhất là 5 năm kể từ ngày bàn giao. - Có bản chào giá bảo trì và các phụ tùng thay thế theo giá Việt Nam đồng		
3	Máy lắc	Yêu cầu chung - Thiết bị sản xuất năm 2025 trở về sau. - Chất lượng mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình + Máy chính kèm giá lắc tiêu chuẩn + Tài liệu HD sử dụng Chỉ tiêu kỹ thuật - Kiểu lắc: tròn - Biên độ lắc: $\leq 4\text{mm}$	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT	Số lượng
		- Công suất: 60W - Công suất động cơ vào: 58W - Công suất động cơ ra: 10W - Điều chỉnh tốc độ: $0 - \leq 3000$ vòng/phút - Điều chỉnh núm xoay, có thang đo chia vạch - Kích thước (rộng x cao x sâu): $\leq 127 \times \leq 130 \times \leq 160$mm - Trọng lượng: ≤ 2.0kg - Nhiệt độ hoạt động: $\leq 5 - \leq 40^{\circ}\text{C}$ - Độ ẩm hoạt động: $\leq 80\%$ - Cấp bảo vệ: IP21 hoặc tương đương Yêu cầu khác - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng; - Có cam kết thực hiện bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành: Bảo trì theo quy định của nhà sản xuất; - Có cam kết chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi sử dụng - Có cam kết bảo trì sau bảo hành và cung cấp các phụ tùng thay thế trong thời gian ít nhất là 5 năm kể từ ngày bàn giao. - Có bản chào giá bảo trì và các phụ tùng thay thế theo giá Việt Nam đồng Yêu cầu chung - Thiết bị sản xuất năm 2025 trở về sau. - Chất lượng mới 100%.		
4	Máy ly tâm cỡ nhỏ		Cái	1

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT	Số lượng
		- Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình - Máy chính - Rotor A8-2 & Rotor A4-PCR8 - Adapter cho ống 0.2ml và ống 0.5ml - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Chỉ tiêu kỹ thuật - Phù hợp cho ứng dụng ly tâm lắng nhanh (spindown) hoặc vi lọc - Dễ sử dụng với tính năng bật/tắt - Tăng và giảm tốc độ trong vài giây - Tốc độ quay: ≤ 7000 vòng/phút - Lực ly tâm RCF : $\leq 2680 \times g$ - Công suất rotor: 8 vị trí cho ống 0.2 /0.5 /1.5 /2.0 ml, dây PCR 16 0.2mL hoặc 2 dây 8 vị trí cho ống PCR 0.2mL. - Thời gian chạy : vận hành liên tục - Động cơ : DC - Độ ồn : ≤ 45 dB - Kích thước (sâu x rộng x cao): $\leq 160 \times \leq 170 \times \leq 122$ mm - Trọng lượng : ≤ 0.5 kg Yêu cầu khác - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng;		

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT	Số lượng
		- Có cam kết thực hiện bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành: Bảo trì theo quy định của nhà sản xuất; - Có cam kết chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi sử dụng - Có cam kết bảo trì sau bảo hành và cung cấp các phụ tùng thay thế trong thời gian ít nhất là 5 năm kể từ ngày bàn giao. - Có bản chào giá bảo trì và các phụ tùng thay thế theo giá Việt Nam đồng		
5	Máy ly tâm tốc độ cao	Yêu cầu chung - Thiết bị sản xuất năm 2025 trở về sau. - Chất lượng mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO 13485 hoặc tương đương - Nguồn điện sử dụng hợp với điện lưới Việt Nam Yêu cầu cấu hình - Máy chính - Rotor A8-2 & Rotor A4-PCR8 - Adapter cho ống 0.2ml và ống 0.5ml - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Chỉ tiêu kỹ thuật - Tốc độ tối đa: 16500r/phút - Lực ly tâm RCF: $\leq 18360 \times g$ - Công suất tối đa: $12 \times 5\text{ml}$ - Độ chính xác tốc độ: $\leq \pm 30\text{r/phút}$ - Phạm vi cài đặt thời gian: 0 phút - ≤ 99 phút	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT	Số lượng
		- Tiếng ồn: $\leq 65\text{dB(A)}$ - Kích thước: 335 mm×265 mm×220 mm Yêu cầu khác - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ khi nghiệm thu thiết bị đưa vào sử dụng; - Có cam kết thực hiện bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành: Bảo trì theo quy định của nhà sản xuất; - Có cam kết chịu trách nhiệm lắp đặt, chạy thử, bàn giao và hướng dẫn vận hành cho người sử dụng, hướng dẫn việc bảo quản và sửa chữa cho nhân viên kỹ thuật tại nơi sử dụng - Có cam kết bảo trì sau bảo hành và cung cấp các phụ tùng thay thế trong thời gian ít nhất là 5 năm kể từ ngày bàn giao. - Có bản chào giá bảo trì và các phụ tùng thay thế theo giá Việt Nam đồng		
6	Micropipet 1 kênh 10-100 μl	- Chất liệu: nhựa - Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hút mẫu với thể tích 10-100 μl - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	1
7	Giá để micropipet dạng thẳng	- Chất liệu: nhựa - Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Sử dụng để treo pipet khi không sử dụng. Dạng thẳng đứng có thể tháo rời một cách dễ dàng. Có thể treo đến 6 Micropipette đơn kênh hoặc đa kênh đồng thời. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	2
8	Micropipet 1 kênh 100-1000 μl	- Chất liệu: nhựa	Cái	1

STT	Tên thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT	Số lượng
		- Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Hút mẫu với thể tích 100-1000 μl - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485		
9	Giá đỡ bằng nhựa dùng cho ống nghiệm 1.5ml loại 100 giếng ống 2ml	- Chất liệu: nhựa - Kích thước: 175mm×165mm×30mm - Đường kính lỗ: 11mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	3

PHỤ LỤC 2. BIỂU MẪU BÁO GIÁ

....., ngày.....tháng.....năm

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Phụ sản Hải Dương

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của , Chúng tôi là....., có địa chỉ tại....., Mã số thuế....., Số điện thoại..... Chúng tôi xin gửi tới bệnh viện Phụ sản Hải Dương bản chào giá các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các TBYT và dịch vụ liên quan:

Stt	Danh mục	Ký, mã, nhãn hiệu, Model, hãng sản xuất	Cấu hình, đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Chi phí cho các dịch vụ có liên quan (VND)	Thuế phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền (VND)
1												
2												
n												

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu có liên quan của Thiết bị y tế)

Lưu ý: Đơn vị phải chào đầy đủ và riêng biệt thiết bị/hệ thống chính và các lựa chọn nâng cấp (options) về phần mềm, module mở rộng, tùy chọn phần cứng cao cấp.

- 2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:ngày, kể từ ngàythángnăm
- 3. Chúng tôi cam kết :

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp hoặc GCN đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Bên báo giá đồng ý cho bên yêu cầu báo giá được quyền sử dụng hoặc loại bỏ các báo giá mà không phải thông báo về lý do với đơn vị tham gia báo giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....Ngàytháng....năm....

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CÔNG TY
(Ký và đóng dấu)

HẢI
P.